**Bài 9: DỊCH VỤ**

(3 tiết)

**I. MỤC TIÊU**

Sau bài học này, giúp học sinh:

**1. Kiến thức**

- Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phân bố và phát triển các ngành dịch vụ.

- Xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các sân bay quốc tế chính.

- Trình bày được sự phát triển của ngành bưu chính viễn thông.

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: tự đọc sách và học liệu tham khảo, chủ động trong làm việc nhóm.

- Giao tiếp và hợp tác: thông qua thông qua các hoạt động nhóm và phương pháp dạy học thảo luận.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: vẽ sơ đồ, trả lời câu hỏi, vào vai là hướng dẫn viên du lịch,…

**\* Năng lực đặc thù:**

- Nhận thức khoa học địa lí: học sinh sử dụng được các công cụ của địa lí học như bản đồ, lược đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, video, ...

- Khai thác Internet phục vụ môn học: lấy thông tin liên quan đến nội dung của bài trên các web.

- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ thực tiễn liên quan.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ và có trách nhiệm tham gia học tập, làm các bài tập, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong nhóm và tự học tích cực.

- Yêu nước và nhân ái: thông qua việc tôn trọng thành quả của con người trong phát triển kinh tế.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. **Giáo viên**

- Bảng nhóm, bút lông.

- Phiếu học tập, trò chơi.

- Hình ảnh, video về ngành dịch vụ của nước ta.

1. **Học sinh**

- Sách giáo khoa, vở ghi.

- Giấy note làm bài tập trên lớp.

- Atlat Địa lí Việt Nam.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Xác định vấn đề/Nhiệm vụ học tập/Mở đầu (… phút)**

*a) Mục tiêu:*

- Hình thành, khái quát nội dung bài học thông qua hoạt động trò chơi thú vị, thu hút học sinh tập trung vào giờ học.

- Tạo không khí vui tươi, hào hứng.

- Kích thích tư duy nhanh nhạy của HS.

*b) Nội dung:* HS chơi trò chơi “VUA TIẾNG VIỆT”

*c) Sản phẩm:* Câu trả lời của HS.

*d) Tổ chức thực hiện:*

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

**+** GV phổ biến luật chơi:

* *HS làm việc cá nhân.*
* *GV cho HS xem các từ khóa được sắp xếp lộn xộn.*
* *HS sắp xếp lại các chữ cái để tạo từ khóa có nghĩa.*

|  |  |
| --- | --- |
| **TỪ KHÓA** | **ĐÁP ÁN** |
| *ITNẢÔGAHGOẬVTNI* | *GIAO THÔNG VẬN TẢI* |
| *UHCỊLD* | *DU LỊCH* |
| *IƯGMTNƠHẠ* | *THƯƠNG MẠI* |
| *NUBCÍƯHH* | *BƯU CHÍNH* |
| *NỄIVTGHNÔ* | *VIỄN THÔNG* |

**- Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS chơi trò chơi theo sự điều khiển của GV.

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ HS giơ tay trả lời.

+ GV gọi một số bạn nhận xét, bổ sung.

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV khen ngợi phần trả lời của HS.

+ GV đưa ra kết quả của trò chơi.

+ GV nhấn mạnh các từ khóa HS vừa sắp xếp được thuộc lĩnh vực dịch vụ. Từ đó, GV khéo léo dẫn dắt vào bài.

**2. Hình thành kiến thức mới (… phút)**

**Hoạt động 1: TÌM HIỂU VỀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÁC NGÀNH DỊCH VỤ**

*a) Mục tiêu:*

- Kể tên được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố và phát triển các ngành dịch vụ.

- Phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phân bố và phát triển các ngành dịch vụ.

*b) Nội dung:*HS làm việc theo cặp, thực hiện hoạt động ghép nối.

*c) Sản phẩm:* Câu trả lời miệng và đáp án trong PHT (giấy note) của HS.

*d) Tổ chức thực hiện*

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

Hoạt động theo cặp, mỗi cặp có 3 phút để đọc nhanh thông tin 1 trong SGK, sau đó gấp sách lại.

**+ Nhiệm vụ 1:** GV phát cho mỗi cặp 1 PHT ghép nối (hoặc GV chiếu nội dung để ghép nối trên PPT, các cặp tự lấy giấy note để ghép thông tin từ cột A phù hợp với cột B) trong thời gian 5 phút.

|  |  |
| --- | --- |
| **A – CÁC NHÂN TỐ** | **B - ẢNH HƯỞNG** |
| 1- Sự phát triển kinh tế | a- làm thay đổi toàn diện hoạt động dịch vụ ở nước ta, góp phần nâng cao chất lượng và mở rộng nhiều loại hình dịch vụ mới: giao thông thông minh, truyền thông số, thương mại điện tử,... |
| 2- Dân cư và nguồn lao động | b- ảnh hưởng quyết định đến sự phát triển của ngành dịch vụ. Kinh tế phát triển làm tăng quy mô, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ. Sự phát triển của các ngành sản xuất sẽ làm gia tăng nhu cầu sử dụng các hoạt động dịch vụ như giao thông vận tải, thương mại, tài chính ngân hàng, bưu chính viễn thông,.. Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng là những vùng có kinh tế phát triển năng động nên ngành dịch vụ phát triển đa dạng. |
| 3- Vốn và khoa học công nghệ | c- có vai trò định hướng và tạo cơ hội phát triển các ngành dịch vụ.  Việc kí kết các hiệp định thương mại với nhiều đối tác như EU, Trung Quốc, Nhật Bản,... giúp nước ta mở rộng thị trường và hội nhập quốc tế. |
| 4- Cơ sở hạ tầng | d- Số dân nước ta đông là thị trường tiêu thụ lớn. Mức sống của người dân ngày càng cao dẫn đến sức mua tăng lên, góp phần đa dạng hoá các loại hình dịch vụ. Nguồn lao động nước ta dồi dào, chất lượng lao động đang được nâng lên tạo điều kiện để nâng cao chất lượng ngành dịch vụ. |
| 5- Chính sách | e- Nước ta ở gần trung tâm Đông Nam Á, trong khu vực kinh tế phát triển năng động châu Á - Thái Bình Dương, tạo thuận lợi mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, xây dựng các tuyến du lịch, giao thông với khu vực và thế giới.  - Điều kiện tự nhiên tạo tiền đề cho việc phát triển các ngành dịch vụ.  Khí hậu nhiệt đới thuận lợi cho các hoạt động dịch vụ diễn ra quanh năm. Các khu vực đồi núi, bãi biển, cảnh quan đẹp thích hợp phát triển du lịch. Bờ biển có nhiều vũng vịnh thuận tiện xây dựng cảng. Mạng lưới sông ngòi dày đặc có thể phát triển du lịch sông nước và giao thông đường sông.  Tuy nhiên, địa hình nhiều đồi núi, chia cắt mạnh; các thiên tai gây khó khăn cho hoạt động của các ngành dịch vụ. |
| 6-Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên | g- góp phần thu hút đầu tư và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động dịch vụ, như giao thông, thương mại, du lịch,... Một số đô thị trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo ngành dịch vụ và cửa ngõ hợp tác quốc tế, như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh. |
| **ĐÁP ÁN:** | |

*(Đáp án: 1-b; 2-d; 3-a; 4-g; 5-c; 6-e)*

**+ Nhiệm vụ 2:** Mỗi cặp lấy 1 ví dụ để phân tích được vai trò của một trong các nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phân bố và phát triển các ngành dịch vụ.

**- Thực hiện nhiệm vụ:**

**+ Nhiệm vụ 1:** Các cặp thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 5 phút

**+ Nhiệm vụ 2:** Các cặp chọn 1 nhân tố để lấy ví dụ và phân tích trong thời gian 1’30 giây.

**- Báo cáo, thảo luận:**

**+ Nhiệm vụ 1:** GV yêu cầu các cặp đổi bài chấm chéo theo đáp án GV đưa ra.

**+ Nhiệm vụ 2:** Giáo viên gọi các cặp bất kỳ lên trình bày. Các học sinh thuộc cặp khác thảo luận, đặt câu hỏi để làm rõ vấn đề.

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV chuẩn kiến thức.

+ HS ghi bài.

**Hoạt động 2: TÌM HIỂU VỀ NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*a) Mục tiêu:* Xác định được trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các sân bay quốc tế chính.

*b) Nội dung:* HS hoàn thành PHT về ngành GTVT.

*c) Sản phẩm:*

- Đáp án trong PHT và câu trả lời của HS.

*d) Tổ chức thực hiện:*

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ Giáo viên chia lớp thành 5 nhóm, mỗi nhóm được phát 1 bộ PHT (gồm 5 PHT tương ứng với 5 loại hình GTVT).

+ Các nhóm được sử dụng SGK, tự phân chia cho 1-2 HS trong nhóm làm 1 PHT. Đồng thời, các nhómxác định trên bản đồ (trong SGK) các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các sân bay quốc tế chính để khi báo cáo thì lên chỉ trên bản đồ.

+ Thời gian 5 phút.

***Ví dụ:***

* HS 1: Tìm hiểu về đường bộ.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƯỜNG BỘ (đường ô tô)** | |
| Đặc điểm |  |
| Các tuyến đường bộ huyết mạch |  |

* HS 2: Tìm hiểu về đường sắt.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƯỜNG SẮT** | |
| Đặc điểm |  |
| Các tuyến đường sắt |  |

* HS 3: Tìm hiểu về đường sông.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƯỜNG SÔNG** | |
| Đặc điểm |  |
| Một số cảng nội thủy |  |

* HS 4: Tìm hiểu về đường biển.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƯỜNG BIỂN** | |
| Đặc điểm |  |
| Các cảng biển lớn |  |

* HS 5: Tìm hiểu về đường hàng không.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG** | |
| Đặc điểm |  |
| Các sân bay quốc tế chính |  |

**Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm thực hiện nhiệm vụ nghiêm túc trong thời gian 5 phút.

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ Hết giờ, GV gọi mỗi nhóm lên trình bày một loại hình GTVT, đồng thời chỉ trên bản đồ các tuyến đường bộ huyết mạch, các tuyến đường sắt, các cảng biển lớn và các sân bay quốc tế chính.

GV cho Hs xem thêm một trong các video về GTVT ở nước ta:

* Chiến lược phát triển đường sắt: <https://www.youtube.com/watch?v=udJg_iixOzs>
* Vận tải và những nghịch lí: <https://www.youtube.com/watch?v=U9jKrrJ_IR4>
* Đường sắt liên vận thúc đẩy thương mại Việt Nam - Trung Quốc :

<https://www.youtube.com/watch?v=4GEZ9o-mavM>

* Hành khách đường hàng không tăng hơn 90%

<https://www.youtube.com/watch?v=Jy1RfpmPqWk>

* Hình ảnh, thông tin về: TUYẾN CAO TỐC DÀI NHẤT VIỆT NAM LÀO CAI – QUẢNG NINH: https://smartland.vn/cao-toc-dai-nhat-viet-nam/

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | |  |
| Tuyến đường cao tốc dài nhất Việt Nam gần 600 km từ Lào Cai tới Quảng Ninh chính thức được thông xe vào tháng 9/2022. Tuyến cao tốc này đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội và kết nối giao thông miền Bắc.  Tuyến đường cao tốc dài nhất Việt Nam Lào Cai – Quảng Ninh đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ, du lịch, phát triển khu công nghiệp và đô thị tại các địa phương có tuyến đường đi qua. Tuyến đường cũng hỗ trợ quá trình tái cơ cấu nền kinh tế chung của đất nước, đặc biệt là tại các tỉnh và thành phố có tuyến đường cao tốc, đồng thời hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế xanh, nhanh chóng, bền vững. | | |
| toan-canh-tuyen-cao-toc-dai-nhat-viet-nam-bac-qua-bien |  | |
| Toàn cảnh tuyến cao tốc dài nhất Việt Nam bắc qua biển Quảng Ninh | Thủ tướng Phạm Minh Chính nhấn mạnh, tuyến đường cao tốc kết nối vùng dài nhất Việt Nam đưa Quảng Ninh ngày càng trở thành điểm trung chuyển chiến lược trong khu vực Đông Á-Đông Nam Á, ASEAN-Trung Quốc, Khu vực hợp tác "hai hành lang một vành đai kinh tế" Việt-Trung, hợp tác liên vùng vịnh Bắc Bộ mở rộng, tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy liên kết vùng của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng. | |

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV: Nhận xét, khen ngợi phần làm việc của HS.

+ HS: Lắng nghe, ghi bài.

**Hoạt động 3: TÌM HIỂU VỀ** **NGÀNH BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**

*a) Mục tiêu:* Trình bày được sự phát triển của ngành bưu chính viễn thông.

*b) Nội dung:*HS làm việc theo kỹ thuật Think - Pair - Share để tìm hiểu về ngành bưu chính viễn thông.

*c) Sản phẩm:* Câu trả lời của học sinh.

*d) Tổ chức thực hiện:*

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

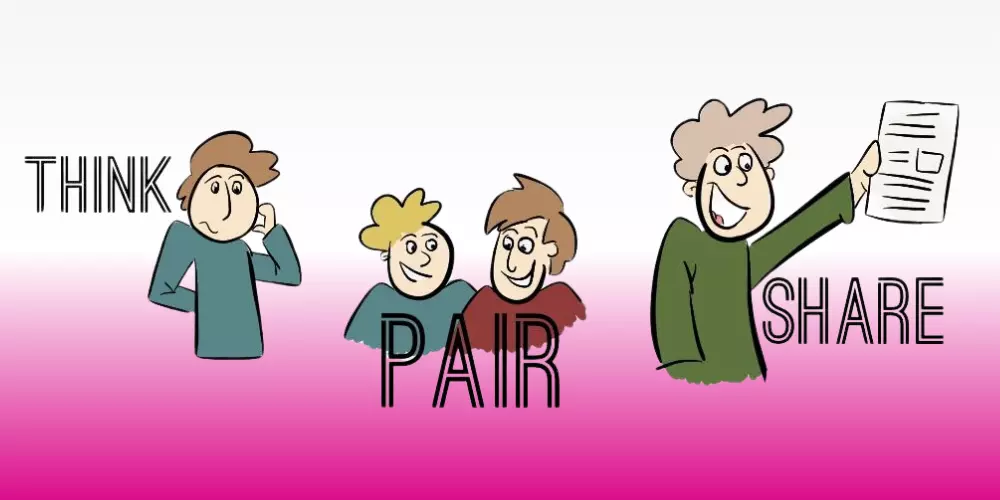
+ GV cho HS xem video về ngành bưu chính viễn thông:

<https://www.youtube.com/watch?v=_uLdZXLsLNs>

<https://www.youtube.com/watch?v=3I9U5ImsEOE>

**+** HS kết hợp đọc SGK, trình bày về sự phát triển của ngành bưu chính viễn thông ở nước ta.

* *Think: 1 phút suy nghĩ và ghi ra giấy note.*
* *Pair: 1 phút chia sẻ với 1 thành viên bên cạnh.*
* *Share: Trình bày thông tin trước lớp.*

**

**- Thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS làm việc theo tiến độ.

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi học sinh trình bày.

+ HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV: Nhận xét, khen ngợi phần làm việc của HS.

+ GV chuẩn kiến thức, mở rộng cho HS thông tin: MYTEL-MẠNG DI ĐỘNG CỦA VIETTEL TẠI MYANMAR

<https://vietteltelecom.vn/tin-tuc/chi-tiet/mang-di-dong-cua-viettel-tai-myanmar-tro-thanh-nha-mang-lon-thu-3-chi-sau-gan-1-nam-cung-cap-dich-vu/17107848>

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | |
| Mytel - thương hiệu của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) tại Myanmar. Mytel chính thức khai trương ngày 9/6/2018 và trở thành mạng di động đầu tiên phủ sóng 4G toàn quốc tại Myanmar và cũng là công ty đầu tiên áp dụng cách tính cước theo block 1 giây (tính trên từng giây). Chỉ sau 10 ngày khai trương, Mytel đã vượt 1 triệu người đăng ký dùng dịch vụ.Với hơn 5,4 triệu thuê bao - Mytel đạt một tốc độ tăng trưởng hiếm mạng viễn thông nào trên thế giới có được và là tốc độ tăng trưởng kỷ lục trong số 11 thị trường viễn thông mà Viettel đang kinh doanh (bao gồm cả Việt Nam). | | [Năm 2023] Sau 5 năm kinh doanh tại Myanmar, Mytel trở thành nhà mạng dẫn đầu về thị phần và chất lượng dịch vụ tại đất nước này. |

**3. LUYỆN TẬP (… phút)**

*a) Mục tiêu:* Kiểm tra, củng cố và ôn tập lại nội dung đã học.

*b) Nội dung:* Các nhóm lần lượt lên bốc thăm câu hỏi để về thảo luận trong 3 phút sau đó GV gọi bất kì HS nào trong nhóm lên trình bày, tính điểm cả nhóm.

*c) Sản phẩm:*

- Câu trả lời miệng của HS.

*d) Tổ chức thực hiện:*

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

*+* Các nhóm lần lượt lên bốc thăm một trong các câu hỏi dưới đây để về thảo luận trong 3 phút.

*+* Sau đó GV gọi bất kì HS nào trong nhóm lên trình bày, tính điểm cả nhóm.

|  |
| --- |
| **CÂU HỎI BỐC THĂM** |
| 1-Kể tên các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ. |
| 2-Nhà Lan ở TPHCM, cuối tuần này Lan về thăm bà ngoại ở Hà Nội. Hãy tư vấn cho Lan các loại hình giao thông có thể di chuyển để về thăm bà vào cuối tuần. . |
| 3-Ngoài những thuận lợi thì ngành bưu chính viễn thông ở nước ta gặp những khó khăn gì? |
| 4-Lấy 1 ví dụ cụ thể về sự thay đổi nhanh chóng của ngành bưu chính viễn thông. |
| 5- Trong các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ, theo em nhân tố nào là quan trọng nhất, vì sao? |

**- Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm thảo luận câu hỏi đã bốc thăm trong 3 phút.

**- Báo cáo, thảo luận:** GV gọi bất kì HS nào trong nhóm lên trình bày, tính điểm cho cả nhóm, trong nhóm sẽ có 1 bạn trợ giúp nếu như HS trước không trả lời được nhưng điểm sẽ bị trừ 1 điểm.

**- Kết luận, nhận định:**

+ GV nhận xét bài làm, thái độ của các HS.

+ GV chuẩn kiến thức.

**4. VẬN DỤNG (… phút)**

*a) Mục tiêu:* Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ thực tiễn liên quan.

*b) Nội dung:* HS tìm hiểu thông tin về hai vệ tinh viễn thông đang hoạt động của Việt Nam.

*c) Sản phẩm:* Bài làm của học sinh.

*d) Tổ chức thực hiện:*

**- Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV yêu cầu HS tìm hiểu thông tin về hai vệ tinh viễn thông đang hoạt động của Việt Nam.

+ Đọc trước bài 10 để tiết sau chơi trò chơi tiếp sức.

**- Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc ở nhà.

**- Báo cáo, thảo luận:** GV cho HS nộp bài vào tiết sau.

**- Kết luận, nhận định:** GV chấm điểm và nhận xét bài làm của HS.

# IV. RÚT KINH NGHIỆM

………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………

**V. PHỤ LỤC**

**1/ NỘI DUNG GHI BÀI**

|  |
| --- |
| **1. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ**  **a. Sự phát triển kinh tế**  Sự phát triển kinh tế có ảnh hưởng quyết định đến sự phát triển của ngành dịch vụ. Kinh tế phát triển làm tăng quy mô, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng ngành dịch vụ. Sự phát triển của các ngành sản xuất sẽ làm gia tăng nhu cầu sử dụng các hoạt động dịch vụ như giao thông vận tải, thương mại, tài chính ngân hàng, bưu chính viễn thông,.. Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng là những vùng có kinh tế phát triển năng động nên ngành dịch vụ phát triển đa dạng.  **b. Dân cư và nguồn lao động**  Số dân nước ta đông là thị trường tiêu thụ lớn. Mức sống của người dân ngày càng cao dẫn đến sức mua tăng lên, góp phần đa dạng hoá các loại hình dịch vụ. Nguồn lao động nước ta dồi dào, chất lượng lao động đang được nâng lên tạo điều kiện để nâng cao chất lượng ngành dịch vụ.  **c. Vốn và khoa học công nghệ**  Nguồn vốn và việc đổi mới khoa học công nghệ làm thay đổi toàn diện hoạt động dịch vụ ở nước ta, góp phần nâng cao chất lượng và mở rộng nhiều loại hình dịch vụ mới: giao thông thông minh, truyền thông số, thương mại điện tử,...  **d. Cơ sở hạ tầng**  Cơ sở hạ tầng nước ta đang được hiện đại hoá góp phần thu hút đầu tư và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động dịch vụ, như giao thông, thương mại, du lịch,... Một số đô thị trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo ngành dịch vụ và cửa ngõ hợp tác quốc tế, như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.  **e. Chính sách**  Hệ thống chính sách có vai trò định hướng và tạo cơ hội phát triển các ngành dịch vụ.  Việc kí kết các hiệp định thương mại với nhiều đối tác như EU, Trung Quốc, Nhật Bản,... giúp nước ta mở rộng thị trường và hội nhập quốc tế.  Tuy nhiên, trình độ phát triển kinh tế giữa các vùng có sự chênh lệch nên một số nơi hoạt động dịch vụ còn hạn chế, cơ sở vật chất một số vùng còn thiếu thốn và xuống cấp.  **g. Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên**  - Vị trí địa lí: Nước ta ở gần trung tâm Đông Nam Á, trong khu vực kinh tế phát triển năng động châu Á - Thái Bình Dương, tạo thuận lợi mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, xây dựng các tuyến du lịch, giao thông với khu vực và thế giới.  - Điều kiện tự nhiên tạo tiền đề cho việc phát triển các ngành dịch vụ.  Khí hậu nhiệt đới thuận lợi cho các hoạt động dịch vụ diễn ra quanh năm. Các khu vực đồi núi, bãi biển, cảnh quan đẹp thích hợp phát triển du lịch như: Sa Pa, Đà Lạt, Hạ Long,.. Bờ biển có nhiều vũng vịnh thuận tiện xây dựng cảng, như Hải Phòng, Đà Nẵng, Khánh Hoà,…Mạng lưới sông ngòi dày đặc có thể phát triển du lịch sông nước và giao thông đường sông.  - Tuy nhiên, địa hình nhiều đồi núi, chia cắt mạnh; các thiên tai gây khó khăn cho hoạt  động của các ngành dịch vụ.  **2. Một số ngành dịch vụ**  **a. Giao thông vận tải**  Nước ta có đầy đủ các loại hình giao thông vận tải: đường ô tô, đường sắt, đường biển, đường sông, đường hàng không,... Hệ thống đường giao thông đã tạo thành mạng lưới phủ khắp các địa phương và đang được nâng cao chất lượng, hiện đại hoá. Các đầu mối giao thông vận tải có vai trò thúc đẩy kinh tế vùng và cả nước như: Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh,...  *- Đường ô tô:* Đường ô tô là loại hình giao thông quan trọng nhất ở nước ta. Các tuyến đường huyết mạch kết nối các vùng, miền, trung tâm kinh tế, hành chính; nối liền với các cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu quốc tế. Một số tuyến đường ô tô huyết mạch của nước ta theo chiều bắc - nam là quốc lộ 1, đường Hồ Chí Minh, đường cao tốc Bắc Nam phía Đông,..; theo chiều đông - tây là quốc lộ 7, 8, 9,51,...  *- Đường sắt:* Tuyến quan trọng nhất là đường sắt Thống Nhất. Một số tuyến khác là Hà Nội – Hải Phòng, Hà Nội – Lào Cai... Các tuyến đường sắt đang được xây dựng như đường sắt đô thị ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, tuyến đường sắt xuyên Á.  *- Đường biển:* Nước ta có 34 cảng biển (năm 2021), trong đó hai cảng đặc biệt là Hải Phòng và Bà Rịa – Vũng Tàu. Một số tuyến đường biển quốc tế quan trọng của nước ta là Hải Phòng – Tô-ky-ô, Thành phố Hồ Chí Minh – Xin-ga-po,...  *- Đường sông:* Các tuyến đường sông được phát triển trên một số hệ thống sông lớn là hệ thống sông Hồng, hệ thống sông Cửu Long.  *- Đường hàng không:* Năm 2021, nước ta có 22 cảng hàng không, trong đó có 10 cảng hàng không quốc tế và 12 cảng hàng không nội địa. Ba cảng hàng không quốc tế quan trọng của nước ta là Nội Bài (Hà Nội), Đà Nẵng (Đà Nẵng) và Tân Sơn Nhất (Thành phố Hồ Chí Minh).  **b. Bưu chính viễn thông**  - Bưu chính là dịch vụ vận chuyển, phát thư, gói, kiện hàng hoá qua mạng bưu chính, trừ phương thức điện tử.  - Viễn thông là việc gửi, truyền, nhận và xử lí kí hiệu, tín hiệu, số liệu, chữ viết, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng thông tin khác bằng đường cáp, sóng vô tuyến điện, phương tiện quang học và phương tiện điện từ khác.  - Bưu chính viễn thông là ngành quan trọng, góp phần vào việc nâng cao đời sống người dân, tăng trưởng kinh tế và hội nhập quốc tế.  - Doanh thu ngành bưu chính viễn thông tăng nhanh và liên tục trong giai đoạn 2010 – 2021. Năm 2021, tổng doanh thu của ngành bưu chính viễn thông đạt 343,2 nghìn tỉ đồng. Mạng lưới bưu chính viễn thông phủ khắp cả nước. Các đô thị là nơi tập trung các dịch vụ bưu chính viễn thông hiện đại.  - Bưu chính: phát triển đa dạng và hiệu quả hơn. Các dịch vụ truyền thống như: chuyển, nhận thư, bưu kiện,... từng bước chuyển sang dịch vụ số. Bưu chính hợp tác với các ngành sản xuất và dịch vụ khác (tài chính ngân hàng, logistics, vận tải,..) nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế.  - Viễn thông: Phát triển công nghệ tiên tiến, dịch vụ hiện đại và nâng cao chất lượng. Viễn thông tập trung vào chuyển đổi số và phát triển dịch vụ dựa trên các công nghệ 5G internet vạn vật (loT), dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI)... Các dịch vụ mới phát triển nhanh chóng như: cung cấp phòng ảo để dạy học trực tuyến, thanh toán trực tuyến,.. Cả nước có hơn 19 triệu thuê bao internet (năm 2021). Đến năm 2021, Việt Nam đã phóng lên không gian 6 trạm thông tin vệ tinh, trong đó có 2 vệ tinh viễn thông và 7 tuyến cáp quang biển quốc tế góp phần kết nối với mạng lưới viễn thông trên thế giới. Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là hai trung tâm bưu chính viễn thông phát triển nhất cả nước. |

**2/ PHT**

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƯỜNG BỘ (đường ô tô)** | |
| Đặc điểm | Đường ô tô là loại hình giao thông quan trọng nhất ở nước ta. Các tuyến đường huyết mạch kết nối các vùng, miền, trung tâm kinh tế, hành chính; nối liền với các cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu quốc tế. |
| Các tuyến đường bộ huyết mạch | * Một số tuyến đường ô tô huyết mạch của nước ta theo chiều bắc - nam là quốc lộ 1, đường Hồ Chí Minh, đường cao tốc Bắc Nam phía Đông,..; * Theo chiều đông - tây là quốc lộ 7, 8, 9,51,... |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƯỜNG SẮT** | |
| Đặc điểm | - Tập trung chủ yếu ở phía Bắc, khu vực đồng bằng. |
| Các tuyến đường sắt | Tuyến quan trọng nhất là đường sắt Thống Nhất. Một số tuyến khác là Hà Nội – Hải Phòng, Hà Nội – Lào Cai... Các tuyến đường sắt đang được xây dựng như đường sắt đô thị ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, tuyến đường sắt xuyên Á. |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƯỜNG SÔNG** | |
| Đặc điểm | Các tuyến đường sông được phát triển trên một số hệ thống sông lớn là hệ thống sông Hồng, hệ thống sông Cửu Long. |
| Một số cảng nội thủy | Ninh Phúc (Ninh Bình), Sơn Tây (Hà Nội), Tân Thành (Cà Mau).... |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƯỜNG BIỂN** | |
| Đặc điểm | Nước ta có 34 cảng biển (năm 2021), trong đó hai cảng đặc biệt là Hải Phòng và Bà Rịa – Vũng Tàu. Một số tuyến đường biển quốc tế quan trọng của nước ta là Hải Phòng – Tô-ky-ô, Thành phố Hồ Chí Minh – Xin-ga-po,... |
| Các cảng biển lớn | Cảng Hải Phòng, cảng Quảng Ninh, cảng Khánh Hoà, cảng Thành phố Hồ Chí Minh, cảng Bà Rịa – Vũng Tàu,... |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG** | |
| Đặc điểm | Năm 2021, nước ta có 22 cảng hàng không, trong đó có 10 cảng hàng không quốc tế và 12 cảng hàng không nội địa. |
| Các sân bay quốc tế chính | Ba cảng hàng không quốc tế quan trọng của nước ta là Nội Bài (Hà Nội), Đà Nẵng (Đà Nẵng) và Tân Sơn Nhất (Thành phố Hồ Chí Minh). |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| Phố cổ Hội An | Phát triển du lịch bền vững ở Phú Quốc hướng tới môi trường xanh |

**3/ Các tài liệu khác**

* [**https://vietnamtourism.gov.vn/post/28534**](https://vietnamtourism.gov.vn/post/28534)
* [**https://vinpearl.com/vi/gioi-thieu-6-dia-diem-du-lich-ben-vung-noi-tieng-o-viet-nam**](https://vinpearl.com/vi/gioi-thieu-6-dia-diem-du-lich-ben-vung-noi-tieng-o-viet-nam)
* [**https://als.com.vn/danh-sach-cac-san-bay-o-viet-nam**](https://als.com.vn/danh-sach-cac-san-bay-o-viet-nam)
* [**https://vinpearl.com/vi/cac-san-bay-o-viet-nam**](https://vinpearl.com/vi/cac-san-bay-o-viet-nam)

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com